

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/KDTM-PT
Ngày 30-01-2024
V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà V Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Bà V Thị Bích Diệp

Ông Nguyễn Văn Dương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hà Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:** Ông Hà Văn Dồn
- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 17/2023/TLPT-KDTM ngày 04 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp kiện đòi tài sản.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2023/KDTM-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 04/TB-TKT ngày 24 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thu Th, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 7Đ22, phường Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- **Bị đơn:** Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Xuất nhập khẩu S; địa chỉ trụ sở: Số 116 BT01, ngõ 97, đường B, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

+ Ông Bùi Xuân Đ; sinh năm 1953; chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: Số 116 BT01, ngõ 97, đường B, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn; vắng mặt.

+ Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Dụ Nghĩa, xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng và ông Trịnh Quốc V, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 24, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn (Giấy uỷ quyền số 88/2023/UQ-SONGTOAN ngày 04/10/2023); đều có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà V Thị Ch; nơi ĐKKTT: Tổ Đâu Phương 2, phường Văn Đâu, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 151C Trần Nhội, phường Văn Đâu, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà V Thị Ch: Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Dụ Nghĩa, xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo uỷ quyền (Hợp đồng uỷ quyền ngày 05/12/2022); có mặt.

+ Ông Khổng Trung Nh, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn 1, xã Tam Cường, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; có mặt.

+ Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Dụ Nghĩa, xã Lê Thiện, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Xuất nhập khẩu S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và V Thị Ch.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thu Th trình bày:

Bà Lê Thu Th và bà V Thị Ch là bạn bè lâu năm, năm 2016, bà Th và bà V Thị Ch gặp lại, bà Th biết bà Ch làm công việc tại Công ty có mảng tạm nhập tái xuất và cần tiền cược CONT để làm hàng. Sau đó, trong quá trình giao dịch, bà Ch giới thiệu bà Th với ông Khổng Trung Nh – là Giám đốc Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S (gọi tắt Công ty S), đại diện nhận tiền cược CONT với bà Th. Lúc đó bà Ch đang là Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty S. Thời gian đầu làm ăn suôn sẻ, mỗi lần bà Th đưa tiền cược CONT thì ông Nh đều trả về cho bà Th phiếu cược CONT đầy đủ. Sau đó, số tiền cược CONT càng ngày càng nhiều lên nhưng ông Nh không đưa lại phiếu cược CONT đầy đủ hoặc phiếu cược CONT không ghi đủ số tiền bà Th đã đưa. Về sau phiếu cược CONT và số tiền bà Th đưa cho ông Nh không khớp nhau, bà Th có hỏi bà Ch, bà Ch trả lời phiếu cược CONT sẽ được chuyển về sau và

sẽ khớp với số tiền đã đưa. Tuy nhiên sau đó không thấy bà Ch chuyển phiếu cược CONT lại cho bà Th nữa. Ngày 31-7-2017, bà Th đã gặp ông Nh để đối chiếu công nợ. Ông Nh đã lập biên bản làm việc. Giữa bà Th và ông Nh cùng xác nhận Công ty S nợ bà Th số tiền nợ gốc là 5.390.000.000 đồng, còn số tiền lãi do bà Ch sẽ trả. Bà Th gọi điện và đến trụ sở Công ty S rất nhiều lần để đòi nợ nhưng không gặp bà Ch, bà Ch đã chặn số điện thoại của của bà Th và hiện nay cũng không ở nơi cư trú. Vì vậy, bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S thanh toán cho bà toàn bộ số tiền nợ gốc là 5.390.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S trình bày:

Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S là pháp nhân độc lập, có tư cách pháp lý độc lập với cá nhân bà V Thị Ch và ông Không Trung Nh. Do đó, những yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa có đầy đủ cơ sở pháp lý đối với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S. Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S với bà Th không có bất kỳ thỏa thuận nào về việc vay mượn tiền hoặc cược CONT. Việc vay mượn tiền của bà Ch đối với bà Th hay ông Nh là vay mượn cá nhân chứ không liên quan đến Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S. Vì vậy bà Th có khởi kiện ra Tòa án thì phải kiện đối với bà Ch hoặc ông Nh chứ không phải khởi kiện Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Không Trung Nh trình bày:

Ông Nh là người làm thuê cho bà V Thị Ch và ông Phạm Văn Q từ năm 2009. Ban đầu ông Nh làm thủ kho cho Công ty Phúc Lộc (Công ty do bà Ch và ông Q thành lập) và làm tại thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Đến năm 2011 bà Ch điều ông Nh về làm nhân viên giao nhận tại tỉnh Cao Bằng. Đến năm 2013 bà Ch điều ông Nh về Hải Phòng và bổ nhiệm ông Nh làm giám đốc Công ty S với mức lương 7.000.000 đồng/tháng và được nuôi ăn ở tại trụ sở Công ty S đồng thời cũng là nhà riêng của bà V Thị Ch (ông Q cũng ăn ở sinh hoạt tại đây). Công việc cụ thể là quản lý giao nhận công hàng, quản lý xe, điều động lái xe dỡ hàng, trả tiền lái xe, trả tiền cược cont... Đến năm 2016 bà Ch có giới thiệu bà Th và nói là bạn làm ăn với bà cùng ông Q từ trước. Bà Ch có nói “từ nay trở đi đối với tiền cược Cont hàng cháu báo cho cô Th để cô ấy đi cược Cont cùng với anh Triều lấy lệnh tại các hãng tàu”. Ban đầu làm ăn thuận lợi ông Nh chỉ báo số ngày cược Cont cho bà Ch để bà thanh toán tiền lãi với bà Th. Khi tạo dựng được niềm tin khoảng gần 01 năm giữa bà Ch và bà Th có thỏa thuận đưa tiền cho ông Nh với tư cách là giám đốc Công ty S nhận sau đó ông Nh chi cho hoạt động của Công ty dưới sự chỉ đạo của bà Ch, ông Q. Bà Th đưa tiền cho ông Nh nhận nhiều lần trong một thời gian theo chứng cứ đã gửi cho Tòa án và công nợ lên đến 5.390.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 7/2020 ông Nh không làm tại Công ty S nữa. Nay bà Th kiện Công ty S tại Tòa án, ông Nh cho rằng khi ông làm giám đốc Công ty S mọi khoản tiền lấy từ bà Th, trước khi lấy

tiền ông Nh có làm kế hoạch báo cáo bà Ch và bà Ch gọi điện cho bà Th đưa tiền cho ông Nh và bảo ông Nh ký nhận. Nay bà Ch và ông Q cho rằng số tiền ông Nh ký nhận tiền với bà Th là trách nhiệm cá nhân chứ không liên quan đến Công ty S là không có căn cứ. Vì ông Nh không quen biết bà Th và cũng không tự nhiên bà Th đưa tiền cho ông Nh và có ký nhận tiền mà không có tài sản đảm bảo. Ông Nh cam đoan số tiền 5.390.000.000 đồng bà Th đã đưa cho ông Nh trong một thời gian năm 2017 là phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty S dưới sự chỉ đạo của bà Ch và ông Q.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà V Thị Ch trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của bà Ch trình bày: Bà Ch là thành viên sáng lập của Công ty S, trong quá trình kinh doanh bà Ch có biết bà Lê Thu Th nhưng giữa bà và bà Th cũng như Công ty S không ký kết bất kỳ thỏa thuận hợp tác kinh doanh nào. Do đó việc bà Th cho rằng bà Ch là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này là trái quy định của pháp luật gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của bà. Bởi vậy bà Ch đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thu Th. Bà Ch đề nghị xem xét về hành vi vi phạm pháp luật của bà Th, ông Nh và chuyển hồ sơ sang cơ quan công an để xử lý hình sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Q trình bày:

Theo quy định pháp luật và quy định Công ty, khi Công ty S vay vốn cá nhân thì Công ty phải họp Hội đồng thành viên để thống nhất việc Công ty vay vốn. Việc ký giấy tờ tiền cá nhân giữa ông Khổng Trung Nh và bà Lê Thu Th là khoản vay giữa hai cá nhân và không liên quan đến Công ty S, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th.

Ngày 08/3/2023 Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng có gửi Công văn số 19/TA-HB về việc đề nghị cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng xem xét giải quyết vụ việc có dấu hiệu hình sự về Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản đối với hành vi chiếm đoạt của bà V Thị Ch.

Ngày 28/4/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng trả lời bằng Công văn số 423 cụ thể: Không có đủ căn cứ xác định việc bà Ch có hành vi chiếm đoạt số tiền của bà Th theo đơn tố giác.

**** Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 20/7/2023:***

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty S phải trả cho bà Th số tiền 5.390.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi.

- Bị đơn Công ty S, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thu Th và cho rằng đây là khoản nợ cá nhân giữa bà Th, bà Ch và ông Nh. Đối với những người đã nhận tiền

và ký giấy nhận tiền của bà Lê Thu Th để làm việc cho Công ty S như bà Phạm Thị Hương, bà Phạm Thị Vân Chi, ông V Triều. Những người này là những người Công ty S thuê không có hợp đồng lao động để làm xong một việc cụ thể và Công ty trả tiền, vì vậy phía Công ty S không biết địa chỉ nơi ở của những người trên.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Không Trung Nh trình bày như trong quá trình giải quyết vụ án, ông khẳng định là giám đốc làm thuê do bà Ch và ông Q dựng lên. Khi làm giám đốc Công ty S ông được trả 7.000.000 đồng/tháng và sau này được nâng lên 10.000.000 đồng/tháng. Được nuôi ăn, ở không phải trả tiền tại trụ sở Công ty S là nhà riêng của bà V Thị Ch. Việc hoạt động của Công ty S hàng ngày ông Nh phải báo cáo bà Ch, ông Q, việc vay tiền của bà Lê Thu Th được thu, chi ra sao đều dưới sự chỉ đạo của bà Ch thậm chí trong bữa cơm hàng ngày ăn cùng bà Ch, ông Q, ông Nh cũng phải báo cáo luôn. Vì vậy, ông Nh khẳng định khoản nợ 5.390.000.000 đồng là khoản nợ của Công ty S đối với bà Lê Thu Th.

+ Ông Phạm Văn Q bày: Việc ký giấy tờ tiền cá nhân giữa ông Không Trung Nh và bà Lê Thu Th là khoản vay giữa hai cá nhân, không liên quan đến Công ty S, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Th.

- Kiểm sát viên có ý kiến tại phiên tòa ngày 20/7/2023 như sau:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ, quá trình hỏi và tranh luận tại phiên tòa; căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 259 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử yêu cầu nguyên đơn bà Lê Thu Th giao nộp các phiếu cược Cont từ thời điểm 23/4/2017 đến ngày 31/7/2017 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà Th là có căn cứ. Yêu cầu đưa những người là bà Phạm Thị Hương, bà Trịnh Thị Vân Chi, ông V Triều, ông Bùi Xuân Đ tham gia tố tụng với vai trò là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ngày 26/7/2023 Viện kiểm sát quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng có Công văn số 01/YC-VKS-DS ngày 26/7/2023 về việc yêu cầu Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng xác minh, thu thập chứng cứ để có đủ chứng cứ giải quyết vụ án với nội dung: Yêu cầu cơ quan thuế cung cấp báo cáo tài chính của Công ty S năm 2017, tờ khai thuế của các tháng 3,4,5,6,7 năm 2017, bảng cân đối kế toán do doanh nghiệp cung cấp cho cơ quan thuế khi quyết toán thuế; Yêu cầu Công ty S cung cấp tài liệu nhập hàng Cont của các tháng 3,4,5,6,7 năm 2017; Yêu cầu bà Lê Thu Th cung cấp phiếu cược Cont của các tháng 3,4,5,6,7 năm 2017; Làm rõ nhân thân lý lịch của những người như bà Phạm Thị Hương, bà Trịnh Thị Vân Chi, ông V Triều, ông Bùi Xuân Đ. Những người này ký nhận tiền của bà Th, do đó cần xác minh lý lịch, triệu tập ghi lời khai để làm rõ vai trò, nhiệm vụ của những người này trong Công ty S là gì. Đặc biệt ông Bùi Xuân Đ đang là người đại diện theo pháp luật của Công ty S.

Cần phải ghi lời khai của ông Đ làm rõ khoản tiền ông Đ ký nhận của bà Th vào ngày 09/6/2017 (150.000.000 đồng) và ngày 30/6/2017 (90.000.000 đồng).

Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2023/QĐST-KDTM ngày 20/7/2023 và ấn định phiên tòa sẽ được xét xử lại vào ngày 28/7/2023.

Sau khi Tòa án Tạm ngừng phiên tòa phía nguyên đơn bà Lê Thu Th đã cung cấp các phiếu cược Cont và biên bản đối chiếu công nợ cho Tòa án.

** Tại phiên tòa ngày 28/7/2023:*

Phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tiếp tục khẳng định không thể cung cấp địa chỉ và nơi ở của bà Phạm Thị Hương, bà Trịnh Thị Vân Chi, ông V Triều.

Kiểm sát viên tiếp tục đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập toàn bộ tài liệu như trong nội dung yêu cầu xác minh số 01 ngày 26/7/2023 của Viện kiểm sát để có căn cứ giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện.

Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 1, khoản 2 Điều 2, khoản 1 Điều 3 Luật Thương mại; các điều 116,117,134,135 của Bộ luật dân sự; các Điều 48, 64 Luật Doanh nghiệp năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thu Th đối với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S:

Buộc Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S phải trả cho bà Lê Thu Th số tiền là 5.390.000.000 (năm tỷ, ba trăm, chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Lê Thu Th có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Nội dung kháng cáo, kháng nghị:

- Ngày 12/8/2023, bị đơn Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà V Thị Ch có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ nội dung bản án của Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng vì vi phạm nghiêm trọng trình tự, thủ tục tố tụng dân sự cũng như các quy định pháp luật dân sự khác;

- Ngày 11/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2023/KDTM-ST ngày 28/7/2023 của Toà án nhân dân quận Hồng Bàng theo hướng: Huỷ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nêu trên để yêu cầu Toà án nhân dân quận Hồng Bàng thu thập bổ sung chứng cứ xét xử lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Công ty Cổ phần Thương mại Hoàng Cầu trình bày theo Biên bản xác minh ngày 23/01/2024 thể hiện lý do các phiếu cược cont của Công ty S có tên Công ty Hoàng Cầu: “ Công ty S đi cược thay cont cho hàng hoá của Công ty Hoàng Cầu để được làm dịch vụ vận chuyển. Số tiền cược cont do Công ty S tự chi ra và thu về sau khi đã trả vỏ công. Công ty Hoàng Cầu không liên quan đến các khoản tiền Công ty S bỏ ra để cược cont và không liên quan đến việc vay nợ giữa bà Lê Thu Th và Công ty S”. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Khổng Trung Nh cung cấp cho Toà án Vi bằng số 84/2024/VB-TPLHP ngày 19/01/2014 trích từ tin nhắn Zalo giữa ông Nh và bà Ch thể hiện nội dung hàng ngày ông Nh có báo cáo bà Ch kế hoạch làm hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Nguyên đơn bà Lê Thu Th trình bày*: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng.

- *Người đại diện theo uỷ quyền bị đơn ông Phạm Văn Q và ông Trịnh Quốc V thống nhất trình bày*: Về việc thu thập tài liệu chứng cứ tại cấp sơ thẩm, Toà án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng từ liên quan đến việc cược cont và bản gốc biên bản làm việc xác nhận nợ giữa bà Th và ông Nh. Về thẩm quyền ký kết và xác lập thoả thuận, căn cứ theo quy định của Luật Dân sự 2005, Luật doanh nghiệp 2005, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty S, bị đơn khẳng định ông Nh xác nhận biên bản làm việc là vượt quá thẩm quyền, ông Nh không có thẩm quyền được xác nhận nợ. Biên bản xác nhận nợ là biên bản lập khống. Giữa Công ty S và bà Th không ký kết bất kỳ một Hợp đồng hợp tác kinh doanh nào. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên vô hiệu biên bản xác nhận nợ do biên bản lập khống.

- Người đại diện theo uỷ quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà V Thị Ch là ông Phạm Văn Q trình bày: Giữ nguyên toàn bộ kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý cho đến khi tuyên án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng.

- Xét về việc giải quyết nội dung vụ án: Ngày 16/8/2019 giữa bà Th và ông Khổng Trung Nh với tư cách là Giám đốc Công ty S ký Biên bản làm việc cùng chốt công nợ, xác nhận Công ty S còn nợ bà Th tổng số tiền là 5.390.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà Th không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện việc vay tiền hoặc góp vốn hợp tác giữa bà Th và Công ty S bằng văn bản. Các giao dịch nhận tiền giữa ông Nh và bà Th cũng không được thể hiện là giao dịch, hoạt động của Công ty và không được bà Ch, ông Q (các thành viên khác của Công ty) thừa nhận. Ngoài công nợ được chốt theo biên bản làm việc ngày 16/8/2019 giữa ông Nh (với tư cách Giám đốc đại diện cho Công ty S) với bà Th về khoản nợ 5.390.000.000 đồng là căn cứ chính để bà Th khởi kiện đòi tiền; thì cả bà Th và ông Nh đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh khoản tiền đó là nhằm mục đích, phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty S, bởi các khoản tiền được ông Nh nhận từ bà Th đều được quản lý, theo dõi, chi tiêu riêng bởi cá nhân ông Nh và không qua kế toán để hạch toán vào nguồn thu, chi của Công ty.

Mặt khác, trong tổng số tiền 5.390.000.000 đồng được bà Th chuyển giao cho Công ty S vay (theo lời khai của bà Th), ngoài người nhận tiền là ông Nh, còn có một số cá nhân khác cũng tham gia nhận tiền là bà Phạm Thị Hương, bà Trịnh Thị Vân Chi, ông V Triều, ông Bùi Xuân Đ nhưng quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm những cá nhân này chưa được Tòa án xác minh, làm rõ và đưa vào tham gia tố tụng để làm rõ vị trí, vai trò, nhiệm vụ của họ trong Công ty TNHH S và việc nhận tiền của họ từ bà Th có liên quan gì đến hoạt động của Công ty hay không. Bà Th cũng không xuất trình được các phiếu cược Cont từ khoảng thời gian tháng 4/2017 đến ngày 31/7/2017 tương ứng với số tiền bà Th đã ghi chép và có ký nhận tiền của ông Nh, bà Hương, bà Chi, ông Triều, ông Đ. Đồng thời, tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện, có nhiều giấy mượn Cont về kho riêng có ghi bên mượn là Công ty Cổ phần thương mại Hoàng Cầu nhưng vai trò, mối liên hệ của Công ty này với nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xác minh, làm rõ.

Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 27/6/2016 có ghi nhận thành viên góp vốn của Công ty S gồm có bà V Thị Ch chiếm 75% vốn điều lệ, ông Phạm Văn Q chiếm 20% vốn điều lệ và ông Khổng Trung Nh chiếm 5% vốn điều lệ và Biên bản làm việc ngày 16/8/2019 để khẳng định

việc vay, nhận tiền giữa ông Nh và bà Th là hoạt động nhằm huy động vốn của Công ty S, đồng thời các thành viên trong Công ty đều phải biết. Từ đó, buộc Công ty S phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thu Th số tiền nợ gốc là 5.390.000.000 đồng là nhận định, đánh giá, khẳng định mang tính chủ quan, không đủ căn cứ vững chắc. Vì vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng là có căn cứ trên cơ sở tài liệu phiên tòa sơ thẩm.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Tòa án đã thực hiện xác minh bổ sung thể hiện toàn bộ tin nhắn giữa bà Ch và ông Nh trong quá trình điều hành hoạt động Công ty, ông Nh được thuê làm giám đốc nhưng mọi hoạt động đều do bà Ch chỉ đạo ông Nh làm. Công ty Hoàng Cầu cũng xác định Công ty S là người bỏ tiền cược Cont thay Công ty Hoàng Cầu để được nhận dịch vụ vận chuyển hàng, điều này phù hợp với danh sách cược Cont của Công ty S, do Công ty Hoàng Cầu theo dõi từ năm 2016-2017. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nh, ông Q (đại diện theo ủy quyền của bà Ch) khai nhận những người nhận tiền và ký sổ của bà Th có ông Đ, bà Chi, ông Triều, bà Hương đều là những người được Công ty thuê để chạy lệnh theo vụ việc, không có hợp đồng lao động, khi tham gia giao dịch với các hãng tàu hoặc chủ hàng thì có giấy giới thiệu của ông Nh hoặc qua quen biết bà Ch, ông Q để thực hiện, đến nay họ đã nghỉ nên không xác định được địa chỉ. Tòa án đã yêu cầu đương sự cung cấp nhân thân, địa chỉ của những người này nhưng nguyên đơn, bị đơn, người liên quan không cung cấp được.

Những người đến nhận tiền của bà Th đều do bà Ch hoặc ông Nh gọi điện thoại trao đổi trước, việc cược Cont thực hiện qua mã lệnh của Công ty Hoàng Cầu, Công ty S không trực tiếp đặt cược Cont và thực hiện giao dịch bằng tiền mặt nên không có chứng từ tiền xuất ra, thu về Công ty S.

Do đó, căn cứ tài liệu xác minh tại giai đoạn phúc thẩm và lời khai đương sự tại phiên tòa thì Công ty S hoạt động kinh doanh dịch vụ và có hoạt động thuê Cont, cược tiền thuê Cont của các hãng tàu, hoạt động do ông Nh điều hành, phù hợp với việc vay tiền đặt cược Cont của bà Th với tư cách Công ty là có căn cứ.

Tại tất cả các lần nhận tiền, bà Th đều ghi sổ thể hiện Công ty S vay tiền hoặc các cá nhân thuộc Công ty S nhận tiền và ký nhận. Điều đó thể hiện các cá nhân nhận tiền đều thuộc người do Công ty S cử đến, đại diện Công ty S để nhận tiền vay từ bà Th. Trong đó có ông Bùi Xuân Đ hiện nay vẫn đang làm việc cho Công ty S. Mặc dù không có lời khai của những người này nhưng căn cứ vào sổ ghi chép của bà Th và chữ ký nhận tiền của các cá nhân đều thể hiện việc nhận tiền vay cho Công ty S.

Như vậy, ngày 16/8/2019, ông Khổng Trung Nh với tư cách đại diện theo pháp luật của Công ty S lập biên bản để chốt lại số nợ giữa Công ty S với bà Th là phù hợp pháp luật, không trái với Điều lệ của Công ty như ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của Công ty S trình bày tại phiên tòa phúc thẩm.

- Xét về quan hệ tranh chấp: Giao dịch giữa bà Lê Thu Th với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S là giao dịch cho vay tiền giữa cá nhân và Công ty (theo đơn khởi kiện của bà Th). Theo quy định khoản 1 Điều 28 BLTTDS thì tranh chấp thuộc quan hệ kinh doanh thương mại phải bao gồm hai yếu tố là có đăng ký kinh doanh và có

mục đích lợi nhuận. Mặc dù bà Th khai cho vay có lấy lãi nhưng không đáp ứng đủ điều kiện điều luật quy định nên bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là kinh doanh thương mại là không có căn cứ. Tuy nhiên, việc xác định sai quan hệ tranh chấp không ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên về xác định chủ thể phải trả nợ. Do vậy, để ổn định bản án sơ thẩm thì không cần thiết phải sửa theo hướng kháng nghị của Viện kiểm sát.

Từ phân tích trên cho thấy, tài liệu, chứng cứ thu thập bổ sung tại giai đoạn xét xử phúc thẩm và kết quả làm rõ tại phiên tòa sơ thẩm có căn cứ để xác định Công ty S là người vay tiền của bà Th thông qua các cá nhân đại diện. Vì vậy, cần xác định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng là có căn cứ, tuy nhiên, cấp phúc thẩm đã khắc phục, bổ sung chứng cứ nên không cần thiết phải sửa hoặc hủy án theo hướng Viện kiểm sát đã kháng nghị.

Xét kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phù hợp với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng nhưng do Viện kiểm sát nhân dân thành phố thay đổi quan điểm kháng nghị nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm: Chấp nhận kháng nghị số 01/QĐ-VKS ngày 11/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng và bác kháng cáo của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S và bà V Thị Ch. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2023/KDTM-ST ngày 28/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Lê Thu Th và bị đơn Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa một cá nhân với một pháp nhân có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận (Công ty S vay tiền của bà Th để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, bà Th cho Công ty S vay nhằm mục đích phát sinh lợi nhuận hưởng lãi hàng tháng). Vì vậy Tòa án nhân dân quận Hồng

Bà, thành phố Hải Phòng xác định quan hệ pháp luật tranh chấp thuộc vụ án kinh doanh thương mại và thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S có nội dung phù hợp quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, thực hiện trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận và đưa ra xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà V Thị Ch:

[3] Về giao dịch kinh doanh thương mại giữa bà Lê Thu Th và Công ty S: Theo nội dung khởi kiện của bà Lê Thu Th, từ năm 2016, giữa bà Th và Công ty S có thoả thuận về việc bà Th cho Công ty S vay vốn để cược CONT làm hàng. Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27/6/2016 của Công ty S xác định trong khoảng thời gian đó, Công ty S gồm 03 thành viên góp vốn là bà V Thị Ch, ông Phạm Văn Q và ông Khổng Trung Nh, người đại diện theo pháp luật là ông Khổng Trung Nh – Chức danh: Giám đốc. Mặc dù việc bà Th cho Công ty S vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh không được các bên thoả thuận bằng văn bản, không ký hợp đồng cụ thể, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai của người cho vay là bà Th về giao dịch vay vốn giữa các bên hoàn toàn phù hợp với lời khai của người đại diện theo pháp luật của Công ty S là ông Khổng Trung Nh. Mặt khác, tại Điều 16 của Điều lệ Công ty (do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp) về các quyền và nhiệm vụ của Giám đốc quy định Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây: *“Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty; ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên”* và Điều 20 về người đại diện theo pháp luật của Công ty quy định: *“Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty”*, vì vậy, ông Nh hoàn toàn có quyền đại diện và nhân danh Công ty để thực hiện giao dịch vay vốn với bà Th nhằm phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh. Giao dịch này được người có thẩm quyền của các bên giao kết trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Văn bản chốt công nợ ngày 16/8/2019 được ký kết giữa bà Lê Thu Th và Công ty S có nội dung xác nhận: Công ty S còn nợ bà Lê Thu Th số tiền là 5.390.000.000 đồng, có chữ ký của bên cho vay là bà Lê Thu Th và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty S là ông Khổng Trung Nh, đóng dấu của bên vay là Công ty S. Tại thời điểm chốt công nợ nói trên, ông Khổng Trung Nh vẫn đang là người đại diện theo pháp luật của Công ty, do đó ông Nh là người có thẩm quyền đại diện Công ty ký xác nhận công nợ với bà Th và văn bản chốt

công nợ ngày 16/8/2019 giữa bà Th và Công ty S là hợp pháp, buộc các bên phải thực hiện. Vì vậy Toà án nhân dân cấp sơ thẩm căn cứ vào văn bản chốt công nợ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty S phải trả cho bà Lê Thu Th số tiền là 5.390.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Phía bị đơn Công ty S cho rằng Công ty S với bà Lê Thu Th không có bất kỳ thỏa thuận nào về việc vay mượn tiền hoặc cược CONT, việc vay mượn tiền của bà Ch đối với bà Th hay ông Nh là vay mượn cá nhân chứ không liên quan đến Công ty S: Hội đồng xét xử nhận thấy theo theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27/6/2016 thành viên góp vốn của Công ty S gồm có bà V Thị Ch chiếm 75% vốn điều lệ, ông Phạm Văn Q chiếm 20% vốn điều lệ; ông Khổng Trung Nh chiếm 5% vốn điều lệ. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai của ông Khổng Trung Nh tại phiên tòa thể hiện ông Nh là người làm thuê cho bà Ch và ông Q và được trả lương ban đầu là 7.000.000 đồng/tháng, sau này được tăng lên 10.000.000 đồng/tháng. Ông Nh được nuôi ăn ở tại trụ sở Công ty S cũng đồng thời thời là nhà riêng của bà Ch, việc vay mượn, thu chi hoạt động của Công ty S được báo cáo hàng ngày cho bà Ch, ông Q. Mặt khác bà Lê Thu Th không có quan hệ gì với ông Khổng Trung Nh, việc bà Th đưa tiền cho ông Nh phục vụ hoạt động của Công ty S trên cơ sở giới thiệu của bà V Thị Ch giới thiệu ông Khổng Trung Nh là giám đốc Công ty S nhằm huy động vốn hoạt động kinh doanh. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông Khổng Trung Nh có cung cấp bổ sung cho Toà án Vi bằng số 84/2024/VB-TPLHP ngày 19/01/2014 trích từ tin nhắn Zalo giữa ông Nh và bà Ch thể hiện nội dung hàng ngày ông Nh có báo cáo bà Ch kế hoạch làm hàng, mọi hoạt động kinh doanh của Công ty ông Nh đều phải báo cáo bà Ch như tiền lấy lệnh, cược cont, phí đường bộ, ứng xe,... và cả những khoản ông Nh ghi “nhận cô Th” cũng được thể hiện trong kế hoạch làm hàng đã gửi cho bà Ch. Do đó, có đủ căn cứ khẳng định hoạt động nhằm huy động vốn vay giữa Công ty S và bà Lê Thu Th, các thành viên trong Công ty S đều biết. Vì vậy phía Công ty S từ chối khoản nợ 5.390.000.000 đồng đối với yêu cầu của bà Lê Thu Th là không có căn cứ.

- Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng:

[6] Về nội dung kháng nghị xác định việc cá nhân bà Th cho Công ty S vay tiền là giao dịch dân sự: Như đã phân tích ở trên, tranh chấp được Toà án xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại là có căn cứ.

[7] Về nội dung kháng nghị việc bà Th không xuất trình được đầy đủ các phiếu cược CONT tương ứng với số tiền bà Th ghi chép: Hội đồng xét xử xét thấy Toà án cấp sơ thẩm đã thu thập tài liệu chứng cứ là các giấy cược CONT do bà Th cung cấp và tiến hành xem xét, đánh giá các tài liệu này như một nguồn chứng cứ của vụ án chứ không sử dụng làm căn cứ để xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các căn cứ được Toà án xem xét để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tính hợp pháp của giao dịch vay vốn giữa bà Th và Công ty S và Giấy xác nhận công nợ giữa các bên đã được phân tích tại mục [3] và [4].

[8] Về nội dung nhiều giấy mượn CONT ghi bên mượn là Công ty Cổ phần Thương mại Hoàng Cầu (Công ty Hoàng Cầu) mà chưa được Toà án cấp sơ thẩm làm rõ: Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung kháng nghị này của Viện Kiểm sát là có căn cứ. Toà án cấp sơ thẩm có thiếu sót trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ để làm rõ vai trò của Công ty Hoàng Cầu. Cần phải làm rõ mối quan hệ giữa Công ty Hoàng Cầu với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xác định vai trò tố tụng của Công ty Hoàng Cầu trong vụ án. Tại Biên bản xác minh ngày 23/01/2024 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tại Trụ sở Công ty Hoàng Cầu thể hiện lý do các phiếu cược CONT của Công ty S có ghi tên Công ty Hoàng Cầu : *“Công ty S đi cược thay CONT cho hàng hoá của Công ty Hoàng Cầu để được làm dịch vụ vận chuyển. Số tiền cược CONT do Công ty S tự chi ra và thu về sau khi đã trả vô công. Công ty Hoàng Cầu không liên quan đến các khoản tiền Công ty S bỏ ra để cược CONT và không liên quan đến việc vay nợ giữa bà Lê Thu Th và Công ty S”*. Do đó, căn cứ khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Công ty Hoàng Cầu không được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[9] Về nội dung kháng nghị Toà án cấp sơ thẩm không đưa những người gồm bà Phạm Thị Hường, bà Trịnh Thị Vân Chi, ông V Triều, ông Bùi Xuân Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ghi lời khai của họ để làm rõ vai trò, nhiệm vụ của những người này trong Công ty S, lý do nhận tiền từ bà Th, sử dụng khoản tiền đã nhận vào việc gì: Về nội dung này, Hội đồng xét xử nhận thấy Công ty S có tư cách pháp nhân độc lập, dùng chính danh nghĩa của mình để tham gia vào các giao dịch và phải tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của pháp nhân; giữa Công ty S và những người nêu trên chỉ là quan hệ phát sinh trong hoạt động quản lý nội bộ của Công ty nên việc đưa những người này tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không cần thiết. Trong trường hợp có căn cứ xác định những người trên thực hiện các giao dịch nhận tiền từ bà Th làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của Công ty S thì Công ty có quyền khởi kiện những cá nhân này bằng một vụ án khác.

[10] Về nội dung kháng nghị Toà án cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc ông Khổng Trung Nh nhận tiền từ bà Th nhưng không giao nộp lại cho kế toán để hạch toán vào nguồn thu, chi của Công ty mà chỉ lập bảng theo dõi diễn dải và sử dụng tiền theo sự chỉ đạo của bà Ch; bảng theo dõi diễn dải là bản phô tô đánh máy không có chữ ký và đóng dấu Công ty nên không khách quan: Xét thấy việc sau khi nhận được tiền từ bà Th, ông Nh (với chức danh là Giám đốc Công ty) chỉ lập bảng để tự theo dõi tiền cược CONT, sử dụng tiền theo sự chỉ đạo của bà Ch mà không giao lại cho kế toán Công ty là các vấn đề thuộc phạm vi điều hành, quản lý nguồn tài chính mang tính nội bộ của Công ty S, nếu ông Nh có sai phạm trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao tại Công ty thì chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về lao động và điều lệ Công ty, đây là hoạt động nội bộ của Công ty.

[11] Như vậy, tại thời điểm Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng kháng nghị là có phần có căn cứ. Tuy nhiên, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm,

Toà án đã thu thập và các đương sự đã cung cấp bổ sung các tài liệu, chứng cứ. Xét thấy đã đủ căn cứ buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền 5.390.000 đồng và tranh chấp được xác định là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đề nghị không huỷ, không sửa mà giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ.

[12] Về án phí: Căn cứ Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[12.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Lê Thu Th không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 113.390.000 đồng.

[12.2] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà V Thị Ch không được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S và bà V Thị Ch phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 273, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116, 117, 134, 135 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 1, khoản 2 Điều 2, khoản 1 Điều 3 Luật Thương mại; các Điều 48, 64 Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Điều 26, Điều 29 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Xuất nhập khẩu S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà V Thị Ch, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2023/KDTM-ST ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Cụ thể:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thu Th đối với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S:

Buộc Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S phải trả cho bà Lê Thu Th số tiền là 5.390.000.000 (*năm tỷ, ba trăm chín mươi triệu*) đồng.

Kể từ ngày bà Lê Thu Th có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 113.390.000 (*Một trăm mười ba triệu, ba trăm chín mươi nghìn*) đồng.

Trả lại cho bà Lê Thu Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.695.000 (*năm mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi lăm nghìn*) đồng theo Biên lai số 0009598 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S và bà V Thị Ch mỗi bên phải nộp án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 (*hai triệu*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002522 ngày 18/8/2023 và Biên lai số 0002523 ngày 18/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Công ty TNHH Xuất nhập khẩu S và bà V Thị Ch đã nộp đủ.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

V Thị Thu Hà

